

Ký bởi: Trung tâm Công báo
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 16.07.2020 09:40:30 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 164 + 165

Ngày 15 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

PHÂN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

04-5-2020- Quyết định số 1464/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tư pháp.

(Tiếp theo Công báo số 162 + 163)

QUY TRÌNH 58**Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam
chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị chuyển đổi;	01	Bản chính
02	Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp;	01	Bản chính
03	Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam.	01	Bản chính

** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp, công ty luật Việt Nam chuyển đổi phải làm thủ tục đăng ký việc chuyển đổi tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công ty luật nước ngoài đăng ký hoạt động*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra	Bộ phận một cửa - Sở Tư	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	hồ sơ	pháp		BM 02 BM 03	cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Giấy đăng ký hoạt động Thông báo hoặc Văn bản từ chối	- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do) - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì soạn thảo: Tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài, Thông báo chuyển đổi
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động và Thông báo chuyển đổi hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (theo Mẫu TP-LS-07 thông tư số 02/2015/TT-BTP)
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (theo Mẫu TP-LS-08 thông tư số 02/2015/TT-BTP).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (theo Mẫu TP-LS-07 thông tư số 02/2015/TT-BTP)
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (theo Mẫu TP-LS-08 thông tư số 02/2015/TT-BTP).
6	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

6. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư (có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013);

- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư (có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015);

- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay thế Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp)(có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

**CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

(Được in trên khổ giấy A4)

Số:...../TP/ĐKHD

16cm



UBND tỉnh, tp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sở Tư pháp

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY LUẬT
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
(Ngày cấp lần đầu:Số lần thay đổi:)

1. Tên gọi đầy đủ của văn phòng luật sư (công ty luật):

.....

Tên giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

3. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư/công ty luật:

Họ và tên: Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số :

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Thẻ luật sư số:..... Ngày cấp...../...../.....

Là thành viên Đoàn luật sư:

Chữ ký:

4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động:

.....

.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

Chi nhánh văn phòng luật sư, công ty luật

Stt	Nơi đăng ký chi nhánh	Ngày đăng ký chi nhánh	Địa chỉ trụ sở của chi nhánh	Điện thoại/Fax/Email	Trưởng chi nhánh

Văn phòng Giao dịch

Stt	Địa chỉ nơi đặt văn phòng giao dịch	Ngày đăng ký văn phòng giao dịch	Điện thoại/Fax/email	Ghi chú

TP-LS-08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

**CỦA CÔNG TY LUẬT HỢP DANH, CÔNG TY LUẬT
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

(Được in trên khổ giấy A4)

Số:...../TP/ĐKHĐ

16cm

UBND tỉnh, tp...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sở Tư pháp

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY LUẬT HỢP DANH, CÔNG TY LUẬT
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

(Ngày cấp lần đầu:Số lần thay đổi:)

1. Tên gọi đầy đủ của công ty:

.....

Tên giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Nam/Nữ:.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Thẻ luật sư số:..... ngày cấp:...../...../.....

Là thành viên Đoàn luật sư:

Chữ ký:

4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động:

.....

.....

5. Danh sách thành viên

TT	Họ và tên luật sư thành viên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Thẻ luật sư <i>(ghi rõ số và ngày cấp)</i>	Thành viên ĐLS

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

QUY TRÌNH 59**Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu);	01	Bản chính
02	Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài;	01	Bản sao hợp lệ
03	Giấy tờ chứng minh về trụ sở.	01	Bản sao hợp lệ

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	2.000.000 đồng/lần cấp.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	4,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Giấy đăng ký hoạt động hoặc Văn bản từ chối	- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do). - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động cấp lại cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành
B6	Phát hành	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê	- Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	văn bản			duyệt	chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (theo Mẫu TP-LS-18 thông tư số 02/2015/TT-BTP)
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (theo Mẫu TP-LS-19 thông tư số 02/2015/TT-BTP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (theo Mẫu TP-LS-18 thông tư số 02/2015/TT-BTP)
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (theo Mẫu TP-LS-19 thông tư số 02/2015/TT-BTP)
6	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Luật sư ngày 29 tháng 06 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007);

- Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 29 tháng 06 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2013);

- Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011);

- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư (có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015);

- Thông tư số 220/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư (thay thế cho Thông tư số 02/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam và Thông tư số 118/2015/TT-BTC ngày 12/8/2015 sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2012/TT-BTC)(có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM

(Được in trên khổ giấy A4)

Số:/TP/ĐKHĐ

UBND tỉnh, tp.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

1. Tên chi nhánh:

Giấy phép thành lập số: cấp ngày:/...../.....

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax.....

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

4. Số người làm việc tại chi nhánh:

Số luật sư nước ngoài:

Số luật sư Việt Nam:

Số nhân viên Việt Nam:

Số nhân viên nước ngoài:

5. Họ và tên luật sư Trưởng chi nhánh:

Quốc tịch:Ngày sinh:

Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân số:Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Thẻ luật sư số: cấp ngày:/...../.....

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

TP-LS-19

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 100% VỐN NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM

(Được in trên khổ giấy A4)

Số:/TP/ĐKHĐ

UBND tỉnh, tp
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
100% VỐN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

1. Tên Công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài:

.....

Giấy phép thành lập số: cấp ngày:/...../.....

2. Địa chỉ trụ sở.....

.....

Điện thoại: Fax.....

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật.....

4. Số người làm việc tại Công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài:

Số luật sư nước ngoài:

Số luật sư Việt Nam:

Số nhân viên Việt Nam:

Số nhân viên nước ngoài:

5. Họ và tên luật sư - Giám đốc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài:

.....

Quốc tịch:

Ngày sinh:

Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Thẻ luật sư số: cấp ngày:

...../...../.....

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

QUY TRÌNH 60**Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn
đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Phiếu lý lịch tư pháp	01	Bản chính
03	Giấy chứng nhận sức khỏe	01	Bản chính
04	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật, trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật	01	Bản sao hợp lệ
05	Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại Khoản 1, Điều 16 Luật luật sư bao gồm một trong các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Biên bản bầu thẩm phán của Hội đồng nhân dân đối với trường hợp thẩm phán do Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh bầu. • Bản sao Quyết định phong hàm Giáo sư, Phó Giáo sư chuyên ngành luật sư hoặc bản sao bằng tiến sỹ luật. • Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp chuyên ngành luật hoặc Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên chính ngành Tòa án, kiểm tra viên chính ngành Kiểm sát, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính chuyên ngành luật. • Giấy xác nhận về thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật của cơ quan nơi người đó công tác. 	01	Bản sao hợp lệ

<ul style="list-style-type: none"> • Các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người được miễn đào tạo nghề luật sư; miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư. * Người đã bị xử lý hình sự hoặc xử lý kỷ luật đến mức bị cách chức chức danh thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, kiểm tra viên, thẩm tra viên; tước danh hiệu công an nhân dân, tước quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân; tước học hàm, học vị giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật hoặc đã bị thu hồi quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật thì không được miễn đào tạo nghề luật sư 		
<p>- Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư phải có đủ các tiêu chuẩn: Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư.</p> <p>- Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>+ Không đủ các tiêu chuẩn: Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư;</p> <p>- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không đủ tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, không đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức tốt theo quy định tại Điều 10 của Luật luật sư:</p> <p>+ Đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức mà quyết định kỷ luật chưa chấm dứt hiệu lực hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực; đã bị xử lý hành chính về một trong các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, quy định về gây thiệt hại đến tài sản của người khác, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, cản trở, chống lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ nhưng chưa hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính;</p> <p>Người thuộc trường hợp trên mà quyết định kỷ luật đã chấm dứt hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính hoặc người bị kết án về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà đã được xóa án tích và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nếu có văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức</p>		

nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú thì được coi là đã sửa chữa, rèn luyện và đáp ứng tiêu chuẩn về tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt theo quy định tại Điều 10 của Luật luật sư.

+ Đã bị xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự hoặc có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về một trong các hành vi liên quan đến chiếm đoạt tài sản, trục lợi, gian lận, gian dối, xâm phạm an ninh quốc gia; ứng xử, phát ngôn làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín nghề luật sư hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tham gia, lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tập trung đông người để gây rối trật tự công cộng, thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định tại điểm b, d, e, g, i hoặc k khoản 1 Điều 9 của Luật luật sư; vi phạm pháp luật khác do cố ý đã bị xử lý kỷ luật từ hai lần trở lên.

+ Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

+ Không thường trú tại Việt Nam;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

+ Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

+ Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân bị buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Lệ phí Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư (100.000 đồng) - Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư (800.000 đồng) Nộp vào Số tài khoản: 3511.0.1118188 của Cục Bổ trợ tư pháp. Giấy tờ chứng minh đã nộp phí, lệ phí được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị

		cấp CCHNLS tại ĐLS hoặc Sở Tư pháp nơi người đề nghị cấp CCHNLS cư trú.
--	--	---

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc Văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do) - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc văn bản từ chối (nêu rõ lý do)
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-01 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-01 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp).
5	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Luật sư ngày 29 tháng 06 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007);

- Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 29 tháng 06 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2013);

- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư (có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015);

- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay thế Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp)(có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).

- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [123/2013/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư

TP-LS-01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh

3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tên tôi là (*ghi bằng chữ in hoa*): Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../..... Quốc tịch:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:

Điện thoại: Email:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:.....

Đã đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư kỳ năm

Được miễn tập sự hành nghề luật sư (*ghi rõ lý do*):.....

Quá trình hoạt động của bản thân (từ khi tốt nghiệp đại học đối với người phải qua đào tạo nghề luật sư, trong quá trình công tác tại các cơ quan đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư):

Khen thưởng, kỷ luật (từ khi tốt nghiệp đại học đối với người phải qua đào tạo nghề luật sư, trong quá trình công tác tại các cơ quan đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư):

Tôi đề nghị được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề luật sư, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của luật sư do pháp luật quy định.

Tỉnh (*thành phố*), ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

QUY TRÌNH 61**Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người
đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Phiếu lý lịch tư pháp	01	Bản chính
03	Giấy chứng nhận sức khỏe	01	Bản chính
04	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật, trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật	01	Bản sao hợp lệ
05	Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	01	Bản sao hợp lệ

- Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư phải có đủ các tiêu chuẩn: Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư.

- Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

+ Không đủ các tiêu chuẩn: Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư;

- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không đủ tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, không đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức tốt theo quy định tại Điều 10 của Luật luật sư:

+ Đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức mà quyết định kỷ luật chưa chấm dứt hiệu lực hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực; đã bị xử lý hành chính về một trong các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, quy định về gây thiệt hại đến tài sản của người

khác, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, cản trở, chống lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ nhưng chưa hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính;

Người thuộc trường hợp trên mà quyết định kỷ luật đã chấm dứt hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính hoặc người bị kết án về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà đã được xóa án tích và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nếu có văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú thì được coi là đã sửa chữa, rèn luyện và đáp ứng tiêu chuẩn về tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt theo quy định tại Điều 10 của Luật luật sư.

+ Đã bị xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự hoặc có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về một trong các hành vi liên quan đến chiếm đoạt tài sản, trục lợi, gian lận, gian dối, xâm phạm an ninh quốc gia; ứng xử, phát ngôn làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín nghề luật sư hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tham gia, lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tập trung đông người để gây rối trật tự công cộng, thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định tại điểm b, d, e, g, i hoặc k khoản 1 Điều 9 của Luật luật sư; vi phạm pháp luật khác do cố ý đã bị xử lý kỷ luật từ hai lần trở lên.

+ Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

+ Không thường trú tại Việt Nam;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

+ Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

+ Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân bị buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư (100.000 đồng) - Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư (800.000 đồng) Nộp vào Số tài khoản: 3511.0.1118188 của Cục Hỗ trợ tư pháp. Giấy tờ chứng minh đã nộp phí, lệ phí được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị cấp CCHNLS tại ĐLS hoặc Sở Tư pháp nơi người đề nghị cấp CCHNLS cư trú

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc Văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do) - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc văn bản từ chối (nêu rõ lý do)
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				duyệt	chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-01 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

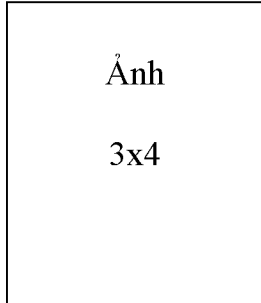
TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-01 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp).
5	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Luật sư ngày 29 tháng 06 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007);
- Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 29 tháng 06 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2013);
- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư (có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015);
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay thế Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp)(có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).
- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [123/2013/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

TP-LS-01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tên tôi là (*ghi bằng chữ in hoa*): Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../..... Quốc tịch:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....

Chỗ ở hiện nay:

Điện thoại: Email:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:.....

Đã đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư kỳ năm

Được miễn tập sự hành nghề luật sư (*ghi rõ lý do*):.....

Quá trình hoạt động của bản thân (từ khi tốt nghiệp đại học đối với người phải qua đào tạo nghề luật sư, trong quá trình công tác tại các cơ quan đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư):

.....

.....

.....

Khen thưởng, kỷ luật (từ khi tốt nghiệp đại học đối với người phải qua đào tạo nghề luật sư, trong quá trình công tác tại các cơ quan đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư):

.....

.....

.....

Tôi đề nghị được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề luật sư, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của luật sư do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

QUY TRÌNH 62**Đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học	01	Bản sao hợp lệ
03	Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên.	01	Bản chính
<p>- Người có đủ tiêu chuẩn sau đây thì được làm hòa giải viên thương mại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan; + Có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên; + Có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. <p>- Người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì không được làm hòa giải viên thương mại.</p> <p>- Người có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định muốn trở thành hòa giải viên thương mại vụ việc đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú. Trường hợp người đề nghị đăng ký là người nước ngoài thì đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó tạm trú.</p>			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Thông báo hoặc Văn bản từ chối	<p>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: tờ trình, Thông báo đăng ký danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc; ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc và công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc trên Cổng thông tin điện tử của Sở.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do)</p>
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<p>- Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Thông báo hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.</p> <p>- Chuyển lãnh đạo Sở ký phê duyệt hồ sơ.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc theo mẫu số 01/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc theo mẫu số 01/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4cm x 6cm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
LÀM HÒA GIẢI VIÊN THƯƠNG MẠI VỤ VIỆC**

Kính gửi: Sở Tư pháp.....

Tên tôi là:

Tôi đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):.....Nam/nữ:..... Ngày sinh:...../...../.....

Chứng minh nhân dân số/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:.....

.....

Điện thoại:.....

Email:.....

2. Nghề nghiệp:.....

Tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên thương mại theo quy định pháp luật.

Tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng..... năm...

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

QUY TRÌNH 63**Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động (theo mẫu);	01	Bản chính
02	Giấy phép thành lập Trung tâm;	01	Bản sao hợp lệ
03	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm.	01	Bản sao hợp lệ

** Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực, Trung tâm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở. Hết thời hạn này, nếu Trung tâm hòa giải thương mại không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 15 ngày (tương đương 11 ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p>
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ.
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	5,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - Tờ trình - Giấy đăng ký hoạt động hoặc - Văn bản từ chối (nêu rõ lý do) 	<p>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động theo BM 05.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do).</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B4	Ký thăm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ. - Chuyển lãnh đạo Sở ký phê duyệt hồ sơ.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân.

IV. BIỂU MẪU**Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.**

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu số 04/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu số 05/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 06	Mẫu sổ theo dõi hồ sơ
5	BM 04	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu số 04/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
6	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu số 05/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp)
7	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương

mai (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 04/TP-HGTM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY ĐỀ NGHỊ****ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI/
CHI NHÁNH TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Tư pháp.....

Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại.....Người đại diện theo pháp luật của Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Chức vụ:.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Đề nghị đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại:.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Giấy phép thành lập số:được Bộ Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm...

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở:

3. Lĩnh vực hoạt động:

.....
Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tài liệu gửi kèm :

1.....

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng ...năm...

Người đại diện theo pháp luật
của Trung tâm hòa giải thương mại
(Ký và ghi rõ họ, tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

Số:...../ĐKHD-HGTM

UBND, TỈNH, TP.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐKHD-HGTM

Tỉnh (thành phố), ngày... .. tháng... .. năm... ..

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1. Tên Trung tâm hòa giải thương mại:

.....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Giấy phép thành lập số:.....

được Bộ Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm.....

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website (nếu có).....

2. Địa điểm đặt trụ sở.....

.....

3. Lĩnh vực hoạt động:

.....

.....

.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Chức vụ:.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

5. Danh sách sáng lập viên Trung tâm hòa giải thương mại:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân; Ngày cấp; Nơi cấp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nghề nghiệp
1	2	3	4	5	6

6. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại:

STT	Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận nội dung thay đổi (Ký tên, đóng dấu)
1	2	3	4

GIÁM ĐỐC*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

QUY TRÌNH 64**Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài
trong trường hợp bổ sung hoạt động hòa giải thương mại***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu);	01	Bản chính
02	Bản chính Giấy đăng ký hoạt động;	01	Bản chính
03	Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.	01	Bản sao hợp lệ

**Trung tâm trọng tài có quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại của Bộ Tư pháp*

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép có hiệu lực, Trung tâm trọng tài phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp, nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra	Bộ phận một cửa - Sở Tư	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	hồ sơ	pháp		BM 03	cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc	- Theo mục I - Tờ trình - Giấy đăng ký hoạt động hoặc - Văn bản từ chối	- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động có cập nhật nội dung bổ sung hoạt động hòa giải thương mại. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do)
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động hoặc Văn bản từ chối - Chuyển lãnh đạo Sở ký phê duyệt hồ sơ.
	Xem xét, phê	Lãnh đạo	01 ngày	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B5	duyet	Sở	làm việc		giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo mẫu số 03/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo mẫu số 03/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
5	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Trọng tài thương mại ngày 17 tháng 6 năm 2010 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011);

- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 07 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2011);

- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động Trọng tài thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2012);

- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực trọng tài thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI
CHO TRUNG TÂM TRỌNG TÀI

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trung tâm trọng tài thương mại.....

Giấy phép thành lập số:được Bộ Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm....

Giấy đăng ký hoạt động số.....được Sở Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm....

Địa chỉ trụ sở:.....

Chủ tịch Trung tâm trọng tài thương mại:

Họ và tên:Nam/nữ:

Ngày sinh:...../...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Đề nghị bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài với nội dung cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tài liệu gửi kèm:

1.

2.

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng ...năm...

Người đại diện theo pháp luật

của Trung tâm trọng tài

(Ký và ghi rõ họ, tên)

QUY TRÌNH 66**Thay đổi tên gọi Trung tâm hòa giải thương mại***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi của Trung tâm hòa giải thương mại (theo mẫu).	01	Bản chính
<p><i>*- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi có hiệu lực, Trung tâm hòa giải thương mại có văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động;</i></p> <p><i>- Trung tâm hòa giải thương mại phải có văn bản của Bộ Tư pháp về việc chấp thuận nội dung thay đổi.</i></p>			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ.
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Quyết định hoặc Văn bản từ chối	- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Quyết định thay đổi tên gọi Trung tâm hòa giải thương mại. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do).
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Quyết định hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân.

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác theo mẫu số 07/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác theo mẫu số 07/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
5	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI

**TÊN GỌI, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI
TỪ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NÀY SANG TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THỘC TRUNG ƯƠNG KHÁC**

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trung tâm hòa giải thương mại.....

Giấy phép thành lập số.....được Bộ Tư pháp cấp ngày....tháng.....năm.....

Giấy đăng ký hoạt động sốđược Sở Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gọi mới của Trung tâm hòa giải thương mại (bao gồm tên viết tắt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở mới:

Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1.....

2.....

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng ... năm...

Người đại diện theo pháp luật
của Trung tâm hòa giải thương mại
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

QUY TRÌNH 67

**Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương này sang
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;	01	Bản chính
02	Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại;	01	Bản sao hợp lệ
03	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại	01	Bản sao hợp lệ

- Thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

- Trung tâm hòa giải thương mại phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác có hiệu lực, Trung tâm hòa giải thương mại thực hiện đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt địa chỉ trụ sở mới.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 15 ngày (tương đương 11 ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ.
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	5,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - Tờ trình - Giấy đăng ký hoạt động hoặc - Văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại theo BM 05. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do).

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động hoặc Văn bản từ chối - Chuyển lãnh đạo Sở ký phê duyệt hồ sơ.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân.

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị theo mẫu số 07/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp

5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu số 05/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp)
---	-------	---

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị theo mẫu số 07/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu số 05/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp)
6	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI****TÊN GỌI, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI
TỪ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NÀY SANG****TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THỰC TRUNG ƯƠNG KHÁC****Kính gửi: Bộ Tư pháp**

Trung tâm hòa giải thương mại.....

Giấy phép thành lập số.....được Bộ Tư pháp cấp ngày....tháng.....năm.....

Giấy đăng ký hoạt động sốđược Sở Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gọi mới của Trung tâm hòa giải thương mại (bao gồm tên viết tắt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

2. Địa chỉ trụ sở mới:

.....

Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1.....

2.....

*Tỉnh (thành phố), ngày... tháng ... năm...*Người đại diện theo pháp luật
của Trung tâm hòa giải thương mại
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

Số:...../ĐKHD-HGTM

UBND, TỈNH, TP.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐKHD-HGTM

Tỉnh (thành phố), ngày... .. tháng... .. năm... ..

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

1. Tên Trung tâm hòa giải thương mại:

.....
.....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Giấy phép thành lập số:.....

được Bộ Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm.....

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website (nếu có).....

2. Địa điểm đặt trụ sở.....

.....

hoạt động:

.....

.....

.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Chức vụ:.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

3. Lĩnh vực

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

5. Danh sách sáng lập viên Trung tâm hòa giải thương mại:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân; Ngày cấp; Nơi cấp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nghề nghiệp
1	2	3	4	5	6

6. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại:

STT	Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận nội dung thay đổi (Ký tên, đóng dấu)
1	2	3	4

GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải
thương mại/Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại (theo mẫu)	01	Bản chính
<p><i>*Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại gửi giấy đề nghị cấp lại đến cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động để được cấp lại.</i></p>			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ.
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	1,5 ngày làm việc	- Theo mục I - Tờ trình - Giấy đăng ký hoạt động hoặc - Văn bản từ chối	- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại theo BM 05/BM 06. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do).
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân.

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu số 09/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu số 05/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp
6	BM 06	Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu số 06/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu số 09/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu số 05/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp
6	BM 06	Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu số 06/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
7	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA
TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI/CHI NHÁNH
TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI****Kính gửi: Sở Tư pháp.....**

Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại:.....

Giấy đăng ký hoạt động sốđược Sở Tư pháp cấp ngày.....tháng..... năm....

Địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại:

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Chức vụ:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ Căn cước công dân:

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....

Đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh
Trung tâm hòa giải thương mại với lý do cấp lại như sau:.....Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do
pháp luật quy định.

Tài liệu gửi kèm :

1.

2.

*Tỉnh (thành phố), ngày... tháng
...năm...*

Người đại diện theo pháp luật của
Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh
Trung tâm hòa giải thương mại
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

Số:...../ĐKHD-CNHGTM

UBND, TỈNH, TP.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐKHD-CNHGTM

Tỉnh (thành phố), ngày... .. tháng... .. năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1. Tên chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại:

.....

Tên viết tắt: (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website (nếu có).....

2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh:

.....

3. Lĩnh vực hoạt động của chi nhánh:

.....

4. Trưởng chi nhánh:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

5. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại

STT	Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận nội dung thay đổi (ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

Số:...../ĐKHD-HGTM

UBND, TỈNH, TP.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐKHD-HGTM

Tỉnh (thành phố), ngày... .. tháng... .. năm... ..

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1. Tên Trung tâm hòa giải thương mại:

.....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Giấy phép thành lập số:.....

được Bộ Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm.....

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website (nếu có).....

2. Địa điểm đặt trụ sở.....

.....3. Lĩnh vực
 hoạt động:

.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Chức vụ:.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

5. Danh sách sáng lập viên Trung tâm hòa giải thương mại:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân; Ngày cấp; Nơi cấp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nghề nghiệp
1	2	3	4	5	6

6. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại:

STT	Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận nội dung thay đổi (Ký tên, đóng dấu)
1	2	3	4

GIÁM ĐỐC*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

QUY TRÌNH 69**Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND**ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;	01	Bản chính
02	Giấy phép thành lập chi nhánh;	01	Bản sao hợp lệ
03	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.	01	Bản sao hợp lệ

** Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập có hiệu lực, chi nhánh gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh. Hết thời hạn này, nếu chi nhánh không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng.*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp TPHCM, địa chỉ: 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Tiếp nhận,	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	kiểm tra hồ sơ	- Sở Tư pháp		BM 02 BM 03	<p>hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p>
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thẩm định, thụ lý hồ sơ.
B3	Xem xét, xử lý hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ	4,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - Tờ trình - Giấy đăng ký hoạt động hoặc - Văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam theo BM 05. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện giải quyết theo quy định thì dự thảo: Tờ trình, văn bản từ chối (nêu rõ lý do).
B4	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng ký duyệt Tờ trình, ký nháy Giấy đăng ký hoạt động hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển lãnh đạo Sở ký

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phê duyệt hồ sơ.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết. - Chuyển hồ sơ đã ký đến Văn thư để cho số, đóng dấu, chuyển phát hành.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp số, photo, đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng chuyên môn lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi; - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận một cửa - Sở Tư pháp	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho cá nhân.

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu số 11/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.

5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động theo mẫu số 06/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
---	-------	--

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu số 11/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
5	BM 05	Giấy đăng ký hoạt động theo mẫu số 06/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.
6	/	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017);

- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018).

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 06/TP-HGTM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

Số:...../ĐKHĐ-CNHTM

UBND, TỈNH, TP.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐKHD-CNHGTM

Tỉnh (thành phố), ngày... .. tháng... .. năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1. Tên chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại:

.....

Tên viết tắt: (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website (nếu có).....

2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh:

.....

3. Lĩnh vực hoạt động của chi nhánh:

.....

4. Trưởng chi nhánh:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email:.....

5. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại

STT	Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận nội dung thay đổi (ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC HÒA GIẢI
THƯƠNG MẠI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp.....

Chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.....

Giấy phép thành lập số:.....được Bộ Tư pháp cấp ngày.....tháng.....năm....

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....Nam/nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Đề nghị đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam:.....

Tên viết tắt:

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Website (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở :.....

3. Lĩnh vực hoạt động:

Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tài liệu gửi kèm:

1.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng ...năm...

Người đại diện theo pháp luật
của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Xem tiếp Công báo số 166 + 167)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng